

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ÂN DỤ CẤU TRÚC “TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO” TRONG DIỄN NGÔN TÀI CHÍNH TIẾNG ANH ĐỐI CHIẾU VỚI TIẾNG VIỆT

HOÀNG VĂN THẮNG*

TÓM TẮT: Bài viết khảo sát và phân tích ẩn dụ cấu trúc được cho là phổ biến trong diễn ngôn tài chính có miền nguồn THỂ THAO trên cơ sở đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Nghiên cứu được đặt trong khung lý thuyết Ẩn dụ ý niệm đề xuất bởi Lakoff và Johnson (1980) dựa trên khối ngữ liệu báo chí tài chính trong cùng một năm 2023, bao gồm 120 bài báo tiếng Anh trích từ tạp chí The Financial Times và 120 bài báo tiếng Việt đăng trên Tạp chí Thời báo Tài chính Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả hai ngôn ngữ Anh và Việt đều sử dụng phong phú các biểu thức ẩn dụ cấu trúc THỂ THAO với tần suất cao để kiến tạo và diễn giải các hiện tượng tài chính trừu tượng và phức tạp. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể về tần suất, cách triển khai và hàm ý tri nhận thông qua việc ý niệm hóa tài chính bằng các hoạt động THỂ THAO. Tiếng Anh sử dụng ẩn dụ TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO với tần suất cao hơn, nhấn mạnh cạnh tranh, hiệu suất và chiến lược cá nhân, trong khi đó Việt ngữ ưu tiên phản ánh tư duy phòng thủ, tập thể và ưu tiên ổn định hệ thống. Qua nghiên cứu này, bài viết không chỉ nhấn mạnh vai trò trung tâm của ẩn dụ như một công cụ tri nhận và diễn ngôn, mà còn làm rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy trong việc kiến tạo nhận thức về tài chính.

TỪ KHÓA: Ẩn dụ ý niệm; ẩn dụ cấu trúc; diễn ngôn tài chính; miền nguồn thể thao; đối chiếu ẩn dụ Anh - Việt.

NHẬN BÀI: 13/04/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/07/2026

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và tài chính hóa ngày càng sâu rộng, diễn ngôn tài chính đã và đang trở thành một trong những loại hình diễn ngôn có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất tới nhận thức và hành vi của công chúng. Tuy nhiên, các hiện tượng tài chính vốn mang tính trừu tượng cao, phức tạp và khó khăn, khó tiếp cận đối với số đông người đọc. Để khắc phục khoảng cách này, diễn ngôn tài chính thường xuyên sử dụng các ẩn dụ ý niệm nhằm “hiện hình hóa” những quá trình tài chính trừu tượng vô hình thông qua các trải nghiệm quen thuộc của con người như nhận định của Lakoff và Johnson (1980, tr.3-5).

Theo Lakoff và Johnson (1980), ẩn dụ ý niệm (ADYN) là cơ chế tri nhận nền tảng, cho phép con người hiểu các lĩnh vực trừu tượng, được gọi là miền đích, thông qua các miền kinh nghiệm cụ thể, được gọi là miền nguồn. Các nghiên cứu của Chung (2003), Koller (2004), Kövecses (2010), Vargas-Sierra và Moreno-Sandoval (2021) và Nguyễn Thùy Ngân (2012), Nguyễn Thị Thanh Huyền (2019), Dương Thị Quỳnh Oanh (2022) đều chỉ ra rằng trong diễn ngôn tài chính, miền nguồn như THỂ THAO được khai thác rộng rãi để cấu trúc hóa cách hiểu về các hiện tượng, chủ thể và hoạt động tài chính như ngân hàng, doanh nghiệp, thị trường, giá cả, đầu tư và chính sách kinh tế. Những cách khung hóa này không trung tính mà luôn hàm chứa đánh giá, thái độ và định hướng ý thức hệ tác động đến độc giả (Koller, 2004).

Tuy vậy, việc đối chiếu có hệ thống giữa tiếng Anh và tiếng Việt vẫn còn hạn chế. Thông qua phân tích và đối chiếu các mô hình ẩn dụ cấu trúc, bài viết hướng tới việc làm rõ cách thức mà ngôn ngữ mô tả, khung hóa nhận thức xã hội về hoạt động tài chính, đồng thời đóng góp thêm bằng chứng thực nghiệm cho nghiên cứu về ADYN trong bối cảnh liên văn hóa.

*Phân viện Học viện Tài chính tại tỉnh Hưng Yên; Email: hoangthang1611@gmail.com

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

Kể từ khi Henderson (1982) lần đầu tiên khẳng định ADYN không chỉ là phương tiện tu từ mà còn là cơ chế tri nhận trong tư duy kinh tế, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra vai trò trung tâm của ADYN trong diễn ngôn kinh tế, đặc biệt là các ẩn dụ mang tính đối kháng như TÀI CHÍNH LÀ CHIẾN TRƯỜNG, hay THỊ TRƯỜNG LÀ CUỘC ĐUA. Ẩn dụ có miền nguồn THỂ THAO trong các diễn ngôn kinh tế cho phép diễn ngôn kinh tế khung hóa các hoạt động kinh tế như những cuộc thi, môn thể thao có luật chơi, có nhịp độ và kết quả rõ ràng.

Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra vai trò trung tâm của ẩn dụ trong diễn ngôn kinh tế tiếng Anh, đặc biệt là các ẩn dụ mang tính đối kháng như THỊ TRƯỜNG LÀ CUỘC ĐUA (Chung, 2003; Koller, 2004; Kövecses, 2010). Gần đây hơn, Vargas-Sierra và Moreno-Sandoval (2021) nhấn mạnh chức năng thuyết phục và điều tiết cảm xúc của ẩn dụ trong các báo cáo tài chính doanh nghiệp, cho thấy ẩn dụ không chỉ phản ánh thực tế mà còn góp phần kiến tạo thực tại xã hội, định hướng nhận thức của các chủ thể tham gia tài chính trong xã hội. Trong Việt ngữ, nghiên cứu về ẩn dụ trong lĩnh vực diễn ngôn kinh tế cũng được một số tác giả quan tâm như Nguyễn Thùy Ngân (2012), Nguyễn Thị Thanh Huyền (2019), Dương Thị Quỳnh Oanh (2022),...

Trong tiếng Anh, miền nguồn THỂ THAO/ CUỘC ĐUA là một trong những miền nguồn phổ biến được sử dụng để tìm hiểu các miền đích KINH DOANH, KINH TẾ hoặc THỊ TRƯỜNG trong các nghiên cứu của Chung (2003), Koller (2004), Kövecses (2010), Cardini (2014), Vargas-Sierra và Moreno-Sandoval (2021),... Nổi bật nhất, Chung (2008) nghiên cứu về ẩn dụ trong diễn ngôn kinh tế đã chỉ ra rằng miền nguồn THỂ THAO đặc biệt hiệu quả trong việc bình thường hóa cạnh tranh, khi thắng - thua được xem là kết quả tự nhiên của "cuộc chơi" thị trường. Cách khung hóa này làm giảm tính nghiêm trọng đạo đức của thất bại kinh tế, đồng thời khuyến khích tư duy chấp nhận rủi ro như một phần tất yếu của hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Cudd (2014) khám phá "*Sporting Metaphors*" trong chủ nghĩa tư bản, với ẩn dụ như "*level playing field*" (sân chơi bình đẳng), "*slam dunk*" (bàn thắng dễ dàng) để nhấn mạnh cạnh tranh và hợp tác trong tài chính.

Từ góc độ tri nhận, ẩn dụ THỂ THAO còn góp phần đơn giản hóa các quá trình kinh tế phức tạp, giúp người tiếp nhận dễ hình dung thông qua các trải nghiệm quen thuộc như luyện tập, thi đấu, hay chiến thuật. Tuy nhiên, như Koller (2004) lưu ý, việc nhấn mạnh quá mức yếu tố cạnh tranh có thể che mờ (một trong những chức năng của ẩn dụ) các khía cạnh khác như hợp tác và trách nhiệm xã hội trong diễn ngôn tài chính.

Trong tiếng Việt, có một số nghiên cứu nổi bật trong lĩnh vực diễn ngôn kinh tế, thị trường, kinh doanh với miền nguồn THỂ THAO như Phạm Thị Thanh Thủy (2017), Nguyễn Thị Thanh Huyền (2019), Dương Thị Quỳnh Oanh (2022)... Tuy miền nguồn này được khai thác mạnh mẽ, sắc thái đánh giá thường thiên về điều tiết nhịp độ và duy trì cân bằng, phản ánh xu hướng coi trọng ổn định hơn là thắng - thua một cách tuyệt đối. Trong một nghiên cứu gần đây, Phạm Thúy Giang (2025) so sánh THƯỜNG MẠI LÀ THỂ THAO trong báo chí thương mại Anh - Việt, xác định 5 ẩn dụ con (sân chơi, người chơi, thi đấu, năng lực thi đấu, thứ hạng), với tần suất cao hơn ở tiếng Anh do tư duy cá nhân chủ nghĩa.

Như vậy, tuy có nhiều nghiên cứu về miền nguồn này vì ẩn dụ mang tính phổ quát, nhưng việc so sánh có hệ thống giữa tiếng Anh và tiếng Việt vẫn còn hạn chế. Bài viết này lấp khoảng trống bằng phân tích cấu trúc ẩn dụ TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO. Cách tiếp cận này đặc biệt phù hợp với nghiên cứu đối chiếu Anh - Việt, khi cùng một miền nguồn như THỂ THAO có thể mang những hàm ý tri nhận và giá trị đánh giá khác nhau.

2. Cơ sở lý thuyết

Nền tảng lý thuyết của nghiên cứu này dựa trên Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm (Conceptual Metaphor Theory - CMT) do Lakoff và Johnson (1980) đề xuất và phát triển, nhấn mạnh rằng ẩn dụ là sự ánh xạ (hay đồ chiếu - *mapping*) giữa miền nguồn và miền đích. Theo quan điểm này, ẩn dụ không chỉ là biện pháp tu từ mang tính trang trí ngôn ngữ mà là cơ chế tri nhận cơ bản, cho phép con người hiểu và tổ chức các miền trừu tượng thông qua các miền kinh nghiệm cụ thể hình thành dựa trên trải

nghiệm nghiệm thân. Trong khuôn khổ này, ánh xạ ADYN giúp cho tài chính - một lĩnh vực kinh tế vốn được cho khô khan, phức tạp và trừu tượng - thường được ý niệm hóa thông qua các miền nguồn giàu tính hành động và cạnh tranh đối kháng, nổi bật nhất trong đó là THỂ THAO.

ADYN được Kövecses (2010) phân loại theo bốn cách khác nhau, đó là phân loại theo tính quy ước của ẩn dụ, chức năng của ẩn dụ, theo bản chất của ẩn dụ và phân loại theo tính khái quát của ẩn dụ. Ẩn dụ cấu trúc (*structural metaphor*), bên cạnh ẩn dụ định hướng và ẩn dụ bản thể - theo phân loại dựa trên chức năng của ẩn dụ, là loại ẩn dụ mà khi giá trị của biểu thức ngôn ngữ này được hiểu thông qua biểu thức ngôn ngữ khác, nó xuất hiện khi miền nguồn cung cấp “cấu trúc kiến thức dồi dào cho miền đích” (Kövecses, 2010, tr.37). Nguồn phóng chiếu các ánh xạ dễ tiếp nhận và dễ hiểu để truyền tải ẩn dụ đến nguồn đích theo một cách dễ hiểu. Cách hiểu này tương đồng với định nghĩa của Lakoff & Johnson (1980, tr.40), ẩn dụ cấu trúc là loại phổ biến nhất trong ADYN. Loại ẩn dụ này được tạo ra khi một ý niệm này được cấu trúc hoá một cách ẩn dụ thông qua một ý niệm khác.

Áp dụng vào diễn ngôn tài chính, các ẩn dụ cấu trúc cho phép người nói và người viết diễn giải về tài chính, bao gồm thị trường, đầu tư, giá cả, ngân hàng, chính sách..., như những hoạt động có luật chơi, có chiến lược, có thắng - thua hay các hoạt động đối đầu mang tính cạnh tranh gay gắt. Có thể nói, ẩn dụ giúp cấu trúc hóa trải nghiệm, lập luận và ngôn ngữ tài chính hàng ngày. Việc sử dụng ẩn dụ cấu trúc làm nổi bật chức năng của ADYN với tư cách là phương thức của tư duy (Nguyễn Văn Hiệp, 2024) đã được chứng minh là phổ biến trong các diễn ngôn có tính thuyết phục cao như diễn ngôn chính trị hay kinh tế.

3. Phương pháp nghiên cứu và ngữ liệu nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng kết hợp phương pháp định lượng và định tính. Ở cấp độ định lượng, nghiên cứu thống kê tần suất xuất hiện và tỷ lệ xuất hiện của các biểu thức ẩn dụ theo từng miền nguồn trong mỗi ngữ liệu. Các số liệu này giúp nghiên cứu so sánh mức độ ưu tiên sử dụng miền nguồn nào giữa hai n.gôn ngữ, đồng thời làm cơ sở cho việc nhận diện xu hướng chung và khác biệt về văn hóa và tư duy. Ở cấp độ định tính, các biểu thức ẩn dụ được miêu tả, phân tích để làm rõ cơ chế ánh xạ, hàm ý tri nhận. Phân tích này chú trọng tới cách thức ẩn dụ góp phần khung hóa hoạt động tài chính như cạnh tranh, đối đầu hoặc điều tiết, cũng như vai trò của chúng trong việc định hướng thái độ và cảm xúc của người đọc.

Về khung lý thuyết, bài viết dựa trên khung Lý thuyết Ẩn dụ ý niệm được đề xuất bởi Lakoff và Johnson (1980) và Kövecses (2010), trong đó nghiên cứu tập trung vào miền nguồn THỂ THAO được nhiều nghiên cứu đồng tình là các mô hình ẩn dụ phổ biến trong diễn ngôn kinh tế.

Về nhận diện các biểu thức ẩn dụ, nghiên cứu áp dụng Quy trình Nhận diện Ẩn dụ ý niệm (MIP) của nhóm Pragglejaz (2007) kết hợp với phương pháp phân tích ngữ cảnh. Cụ thể, một biểu thức được xem là ẩn dụ khi thỏa mãn các tiêu chí: (i) nghĩa ngữ cảnh khác với nghĩa cơ bản, (ii) có thể xác lập mối quan hệ ánh xạ giữa miền nguồn THỂ THAO với miền đích TÀI CHÍNH, và (iii) góp phần cấu trúc hóa cách hiểu về tài chính.

Về mã hóa và phân loại ẩn dụ, các biểu thức ẩn dụ sau khi được nhận diện sẽ được mã hóa theo các bước: (1) ghi nhận biểu thức ẩn dụ theo ngôn ngữ Anh/ Việt, (2) xác định miền nguồn THỂ THAO, và (3) phân loại tiểu miền (ví dụ, hoạt động thể thao, chủ thể tham gia thể thao...). Việc mã hóa này được thực hiện nhất quán cho toàn bộ khối ngữ liệu nhằm đảm bảo nguyên tắc đối chiếu. Trường hợp một biểu thức có thể thuộc nhiều miền nguồn, việc phân loại được quyết định dựa trên ngữ cảnh cụ thể và chức năng diễn ngôn nổi trội trong văn bản.

3.2. Ngữ liệu nghiên cứu

Ngữ liệu phục vụ cho nghiên cứu bao gồm các bài báo về lĩnh vực tài chính tiếng Anh gồm 120 bài trích từ tạp chí The Financial Times, và 120 bài tiếng Việt được thu thập từ Tạp chí Thời báo Tài chính Việt Nam. Hai khối ngữ liệu này đảm bảo tương đương về dung lượng (khoảng 100.000 từ), và đảm bảo tính tương đồng về bối cảnh kinh tế - xã hội (đều được xuất bản trong năm 2023).

Các bài báo được lựa chọn cho nghiên cứu dựa trên các tiêu chí: (1) có nội dung liên quan trực tiếp đến tài chính như ngân hàng, chính sách, đầu tư,... (2) có mật độ sử dụng ngôn ngữ đánh giá và mô tả diễn biến tài chính, và (3) phản ánh các giai đoạn biến động khác nhau của nền kinh tế, bao gồm cả tăng trưởng và suy thoái. Tổng thể khối ngữ liệu được mã hóa thành E1 - E120 cho ngữ liệu tiếng Anh và V1 - V120 cho tiếng Việt.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả khảo sát hai khối ngữ liệu báo chí tài chính Anh - Việt cho thấy miền nguồn THỂ THAO xuất hiện với tần suất cao với phong phú các biểu thức ẩn dụ, thể hiện vai trò trung tâm của hai miền nguồn này trong việc cấu trúc hóa nhận thức về hoạt động tài chính. Tuy nhiên, mức độ ưu tiên và cách khai thác miền nguồn này có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 1. Ẩn dụ cấu trúc có miền nguồn THỂ THAO trong tiếng Anh và tiếng Việt

Ngôn ngữ	Số lượng biểu thức	Lượt xuất hiện	Tỉ lệ trung bình/ bài
Tiếng Anh	27	232	1.93
Tiếng Việt	26	173	1.44
	53	405	1.69

Nhận xét:

Trong ngữ liệu tiếng Anh, các biểu thức ẩn dụ thuộc miền nguồn THỂ THAO chiếm tỉ lệ cao hơn và xuất hiện với tần suất dày đặc hơn so với tiếng Việt, đặc biệt trong các bài báo về thị trường và đầu tư. Ẩn dụ THỂ THAO sẽ được phân tích theo từng khối ngữ liệu cụ thể.

4.1. Ẩn dụ cấu trúc TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO trong ngữ liệu tiếng Anh

Ẩn dụ cấu trúc TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO trong ngữ liệu diễn ngôn tài chính tiếng Anh xuất hiện linh hoạt với tần suất cao, nổi bật với các dụ dẫn đa dạng, thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2. Tổng hợp biểu thức ẩn dụ TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO trong ngữ liệu tiếng Anh

TT	Tên biểu thức	Lượt xuất hiện	Tỉ lệ (%)	TT	Tên biểu thức	Lượt xuất hiện	Tỉ lệ (%)
1	<i>Attempt</i> (nỗ lực)	19	3,97	15	<i>Lead/ leader</i> ((người) dẫn đầu)	69	14,41
2	<i>Backstop</i> (hậu vệ bóng chày)	7	1,46	16	<i>Play/ player</i> (người chơi)	29	6,05
3	<i>Blow</i> (cú đánh)	3	0,63	17	<i>Playing field</i> (sân chơi)	2	0,42
4	<i>Climb</i> (leo)	5	1,04	18	<i>Penalty/ penalise</i> (phạt)	7	1,46
5	<i>Champion</i> (nhà vô địch)	2	0,42	19	<i>Race</i> ((cuộc) đua)	3	0,63
6	<i>Compete/ competitive/ competition/ competitor</i> (cạnh tranh)	49	10,23	20	<i>Record</i> (kỷ lục)	10	2,09
7	<i>Derby</i> (đua ngựa)	1	0,21	21	<i>Strike</i> (tấn công)	6	1,25
8	<i>Fail/ failure</i> (thất bại)	155	32,36	22	<i>Score</i> (ghi điểm)	6	1,25
9	<i>Game</i> (cuộc chơi)	6	1,25	23	<i>Target</i> (mục tiêu)	31	6,47
10	<i>Goal</i> (bàn thắng)	15	3,13	24	<i>Team</i> (đội)	10	2,09

11	<i>Hike</i> (đi bộ)	7	1,46	25	<i>Toehold</i> (chỗ đặt chân trong môn leo núi)	1	0,21
12	<i>Kick</i> (sút bóng)	13	2,71	26	<i>Vie</i> (ganh đua)	3	0,63
13	<i>Lag</i> (tụt lại)	11	2,30	27	<i>Win/ winner</i> ((người) chiến thắng)	8	1,67
14	<i>Lap</i> (vòng đua)	1	0,21				
Tổng: 27 - 232 - 100%							

Nhận xét:

Trong khối ngữ liệu tiếng Anh có 27 biểu thức ẩn dụ với tần suất 232 lượt xuất hiện, biểu thức được sử dụng với tần suất cao nhất là *fail/ failure, lead, compete, play* và *attempt*. Các biểu thức này thể hiện các thuộc tính vận động của miền nguồn THỂ THAO với các môn thể thao khác nhau như bóng đá, bóng chày, đua xe, đua ngựa, điền kinh, leo núi được đồ chiếu lên miền đích TÀI CHÍNH, với cơ chế ánh xạ dựa trên sự tương thích giữa các hoạt động diễn ra nên các biểu thức tìm thấy là các động từ và danh từ phái sinh, cho phép người đọc đơn giản hóa nhận thức về tài chính, chuyển hóa các hoạt động và biến động tài chính trừu tượng thành những hoạt động thể thao quen thuộc, có cấu trúc rõ ràng, có luật lệ và kết quả chung cuộc.

Trong bối cảnh văn hóa phương Tây, thể thao không chỉ là hoạt động giải trí mà còn là một thiết chế xã hội trung tâm và tuân thủ luật chơi. Việc sử dụng các biểu thức như *compete/ competitive, champion, lead/ leader, record, score* cho thấy diễn ngôn tài chính đã khai thác trực tiếp hệ giá trị này để kiến tạo ý nghĩa (Charteris-Black, 2004). Có thể nhận thấy điều này qua ví dụ sau:

VD1: *UK-based finance executives have.... voiced concerns about competitiveness, particularly in global markets where banks trading in London are often vying with banks trading in New York.* (<https://www.ft.com/content/753f8aa6-9d6f-4846-a908-47313af402db>, 06.08.2023).

(Những người điều hành tài chính có trụ sở tại Anh đã... bày tỏ những lo ngại về tính **cạnh tranh**, đặc biệt trong các thị trường toàn cầu nơi các ngân hàng giao dịch tại London thường **ganh đua** với các ngân hàng giao dịch tại New York.).

Việc sử dụng hai biểu thức *competitiveness* và *vying* giúp người đọc hình dung thị trường tài chính toàn cầu như một sân chơi/ giải đấu nơi các chủ thể tài chính, các ngân hàng cùng cạnh tranh, đối đầu và tranh giành nhằm giành lợi thế trong trận đấu. Đồng thời, người đọc có thể hình dung những lợi thế tài chính như những lợi thế mà một đội giành được trong một trận đấu. Hai biểu thức này đã ý niệm hóa cạnh tranh tài chính như một trận thể thao diễn ra theo hình thức đối đầu chiến lược.

VD2: *Witkoff, the New York developer leading the project with partner Monroe Capital, said it had already sold about two-thirds of the Shore Club's 49 residential units ...*

(<https://www.ft.com/content/cba2f06b-050f-4b7a-b322-fd2b865a1f54>, 20.07.2023)

(Witkoff, nhà phát triển bất động sản tại New York đang **dẫn dắt** dự án cùng đối tác Monroe Capital, cho biết họ đã bán được khoảng hai phần ba trong tổng số 49 căn hộ của Shore Club...)

Động từ *lead* mang nghĩa **dẫn dắt, dẫn đầu** một nhóm các vận động viên đua xe/ đua ngựa/ điền kinh trong một trận đấu hay giải đấu thể thao. Biểu thức ẩn dụ này cấu trúc hóa công ty Witkoff như một vận động viên dẫn đầu trong cuộc đua nơi mỗi chặng đua là một dự án tài chính. Có thể nói, ẩn dụ THỂ THAO không mang tính ngẫu nhiên mà phản ánh một lối tư duy văn hóa đặc thù, trong đó thành công tài chính được xem là kết quả của kỹ năng, nỗ lực và chiến lược cá nhân, và khả năng thích ứng với luật chơi và đối thủ.

VD3: *Its return on equity rose slightly in its most recent quarter to nearly 8 per cent, but still lags behind most of its rivals.* (<https://www.ft.com/content/c0f404fd-2f0d-4a4f-8d5c-0c469023a5e3>, 18.11.2023)

(*Tỉ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của công ty đã tăng nhẹ trong quý gần nhất lên gần 8%, nhưng vẫn còn **tụt lại** phía sau phần lớn các **đối thủ** cạnh tranh.*)

Động từ *lag* là thuật ngữ dùng trong các môn thể thao đua xe, đua ngựa, trong tình huống một vận động viên bị một vận động viên khác vượt qua, bỏ lại một khoảng cách xa trong chặng đua. Biểu thức này cùng biểu thức *rivals* - *đối thủ* kích hoạt mô hình tri nhận thị trường vốn như một cuộc đua xe, đua ngựa hay diễn kinh nơi các tổ chức tài chính được hiểu là các đối thủ của nhau cùng đối đầu cạnh tranh giành thị phần. Tuy vậy, mặc dù nhấn mạnh tính cạnh tranh và đối đầu nhưng một trong những hàm ý tri nhận quan trọng của ẩn dụ THỂ THAO này là việc phi chính trị hóa và phi bạo lực hóa hoạt động tài chính. Khung thể thao kiến tạo cạnh tranh tài chính như một cuộc cạnh tranh đối đầu “hợp pháp” với luật lệ rõ ràng (*playing field, penalty*), và có khả năng phục hồi sau thất bại (*fail - thua* không đồng nghĩa với bị loại vĩnh viễn). Điều này góp phần xây dựng cách nhìn nhận thị trường tài chính như một không gian cạnh tranh chính đáng, nơi rủi ro và thua lỗ được xem là những yếu tố tất yếu của “cuộc chơi” hơn là mối đe dọa mang tính sinh tồn. Bên cạnh đó, việc sử dụng dày đặc các biểu thức như *player, champion, winner, leader* phản ánh xu hướng cá nhân hóa mạnh mẽ trong diễn ngôn tài chính tiếng Anh. Có thể thấy được nhận định này qua các ví dụ sau:

VD4: *Every conversation about prime brokers lately seems to centre on the same three **players**: GS, Morgan Stanley or JPMorgan.* (<https://www.ft.com/content/dcb65fec-02f2-4293-b9a1-e0c8e9a6edc7>, 22.07.2023)

(*Gần đây, mọi cuộc trao đổi về các nhà môi giới chính dường như đều xoay quanh ba **người chơi**: GS, Morgan Stanley hoặc JPMorgan.*)

Danh từ *player* nghĩa là người chơi trong một môn thể thao có sử dụng trái bóng. Việc sử dụng biểu thức này kích hoạt mô hình ẩn dụ hoạt động tài chính là hoạt động thể thao đầy tính cạnh tranh giữa ba ngân hàng GS (Goldman Sachs), Morgan Stanley, và JPMorgan Chase và ba ngân hàng này được ý niệm hóa thành ba người chơi trong sân chơi môi giới tài chính. Biểu thức ẩn dụ này làm nổi bật tính cạnh và tương tác chiến lược trong lĩnh vực môi giới chính.

Một điều đặc biệt có thể thấy, là các chủ thể tài chính được đánh giá không phải trên nền tảng đạo đức hay nghĩa vụ xã hội, mà dựa trên hiệu suất (*performance*), kết quả đo lường được (*goal, score, record*), và vị thế so sánh với đối thủ (*lead, lag, vie*). Thêm vào đó, một điểm thú vị nữa trong ẩn dụ THỂ THAO là khả năng xoa dịu và thuyết phục người đọc khi có những rủi ro, thua lỗ xảy ra. Diễn hình nhất là xu hướng củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào hệ thống “phòng thủ” của thị trường tài chính nơi có các cơ quan chủ quản đóng vai trò là chốt chặn an toàn hay vị trí hậu vệ cuối cùng. Ví dụ:

VD5: *The SNB has, however, now announced a **backstop** liquidity support for the entire “globally active” business.* (<https://www.ft.com/content/23bcd337-6ff0-4b76-b281-1208027d37e9>, 16.03.2023)

(*Tuy nhiên, hiện nay SNB đã công bố một sự hỗ trợ thanh khoản **phòng thủ** cho toàn bộ hoạt động kinh doanh “hoạt động toàn cầu”.*)

Backstop là thuật ngữ của môn bóng chày - môn thể thao phổ biến ở Mỹ, chỉ tấm chắn phía sau cùng hoặc cầu thủ trấn giữ vị trí chốt chặn an toàn cuối cùng ngăn cho bóng không lọt qua. Trong trường hợp này, *backstop* hiện thực hóa ẩn dụ cấu trúc trong đó hệ thống định chế tài chính được cấu trúc như một đội thi đấu, còn ngân hàng SNB (Swiss National Bank - Ngân hàng Trung ương Thụy Sĩ) đóng vai trò người chơi phòng thủ cuối cùng, ngăn chặn “trái bóng khủng hoảng” vượt qua ranh giới an toàn của cả hệ thống. Ẩn dụ này góp phần làm nổi bật chức năng bảo hộ và ổn định của cơ quan quản lý điều hành tiền tệ, đồng thời giảm tính trừu tượng của khái niệm thanh khoản dự phòng bằng cách quy chiếu về kinh nghiệm thể thao (bóng chày) quen thuộc, gắn với truyền thống lâu đời của cộng đồng người Mỹ.

Một hệ quả quan trọng khác của ẩn dụ THỂ THAO là khả năng điều tiết cảm xúc của độc giả trong tiếp nhận thông tin tài chính. Các biến động mạnh của thị trường tài chính khi được diễn đạt bằng các biểu thức *blow* - *cú đánh*, *strike* - *tấn công*, *lose ground* - *mất sân* vẫn nằm trong khuôn khổ một cuộc chơi có thể tiếp diễn. Khi đó, thua lỗ hay thất bại chỉ mang ý nghĩa tạm thời như một hiệp

đầu không thành công chứ không phải sụp đổ hoàn toàn tuyệt đối. Chính vì vậy, ẩn dụ THỂ THAO làm giảm cảm giác hoang loạn, khuyến khích tinh thần tiếp tục cạnh tranh và củng cố niềm tin vào khả năng phục hồi của thị trường tài chính.

Qua những phân tích trên, có thể thấy ẩn dụ THỂ THAO trong diễn ngôn tài chính tiếng Anh phản ánh một mô hình tư duy phương Tây đặc trưng, đó là nhấn mạnh tài chính là một cuộc chơi đối kháng với luật chơi rõ ràng, nơi cá nhân được trao quyền hành động, chấp nhận rủi ro và theo đuổi chiến thắng, ngụ ý các chủ thể tài chính liên tục “chạy đua” để giành lợi thế. Cách khung hóa này làm nổi bật hiệu suất và hợp thức hóa sự đào thải, tương đồng với phân tích của Chung (2008) về chức năng bình thường hóa cạnh tranh của ẩn dụ THỂ THAO. Mô hình này giúp đơn giản hóa nhận thức, hợp thức hóa các giá trị cốt lõi của văn hóa kinh tế phương Tây trong diễn ngôn tài chính đương đại (Lakoff và Johnson, 1980; Chateris-Black, 2004).

4.2. Ẩn dụ cấu trúc TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO trong ngữ liệu tiếng Việt

Trong tiếng Việt, miền nguồn THỂ THAO cũng được sử dụng nhiều trong phạm vi ngữ liệu nghiên cứu, với nhiều biểu thức ẩn dụ khác nhau, thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. Tổng hợp biểu thức ẩn dụ TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO trong ngữ liệu tiếng Việt

TT	Tên biểu thức	Lượt xuất hiện	Tỉ lệ (%)	TT	Tên biểu thức	Lượt xuất hiện	Tỉ lệ (%)
1	<i>Bật/ sức bật</i>	6	3,47	14	<i>Kỷ lục</i>	9	5,20
2	<i>Bỏ cuộc</i>	1	0,58	15	<i>Lên ngôi</i>	1	0,58
3	<i>Bứt phá</i>	4	2,31	16	<i>Mất điểm</i>	2	1,16
4	<i>Cán đích</i>	2	1,16	17	<i>Nhập cuộc</i>	1	0,58
5	<i>Cạnh tranh</i>	29	16,76	18	<i>Vào cuộc</i>	6	3,47
6	<i>Chạy</i>	2	1,16	19	<i>Nỗ lực</i>	35	20,23
7	<i>Chặng nước rút</i>	4	2,31	20	<i>Sân chơi</i>	3	1,73
8	<i>Dẫn dắt</i>	1	0,58	21	<i>Tăng tốc</i>	5	2,89
9	<i>Dẫn đầu</i>	11	6,36	22	<i>Tiếp sức</i>	2	1,16
10	<i>Dốc sức</i>	2	1,16	23	<i>Thắng</i>	1	0,58
11	<i>Đối thủ</i>	1	0,58	24	<i>Thua</i>	3	1,73
12	<i>Đột phá</i>	7	4,05	25	<i>Vượt</i>	31	17,92
13	<i>Khởi động</i>	1	0,58	26	<i>Yếu thế</i>	3	1,73
Tổng: 26 - 173 - 100%							

Nhận xét:

Khỏi ngữ liệu diễn ngôn tài chính tiếng Việt sử dụng 26 biểu thức ẩn dụ với 173 lượt xuất hiện. Nhìn chung, các biểu thức ẩn dụ trên cho thấy trong diễn ngôn tài chính tiếng Việt, tài chính được cấu trúc hóa như hoạt động thể thao đường dài có tuyến tính hướng đích, đòi hỏi nỗ lực liên tục của người tham gia và hướng tới vị trí dẫn đầu. Trong mô hình tri nhận này, điều dễ nhận thấy nhất là hoạt động tài chính được kiến tạo như một quá trình vận động liên tục (*chạy, bứt phá*), ví dụ:

VD6: *Do đó, cơ quan tư vấn, thiết kế cần "chạy sát" với phương án tài chính, thời gian thu phí dao động khoảng 15 - 20 năm, nếu quá lâu thì ngân hàng cũng không cho vay.*

(<https://thoibaotaichinhvietnam.vn/khoi-thong-dong-von-xa-hoi-hoa-cho-cac-du-an-ha-tang-giao-thong-137451.html>, 13.10.2023)

Chạy là hoạt động thể chất của con người trong một cuộc thi điền kinh. Sử dụng biểu thức này, các chủ thể tài chính (ở đây là cơ quan tư vấn, thiết kế tài chính) được ý niệm hóa thành các vận động viên tham gia cuộc thi chạy, quá trình triển khai dự án được ý niệm hóa như chuyển động trong một cuộc đua và các bộ phận của dự án phải “chạy sát” cùng hướng và cùng tốc độ để tạo độ bứt tốc hay bảo đảm tính khả thi tài chính.

VD7: *Giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm đã có sự **bứt phá**.*

(<https://thoibaotaichinhvietnam.vn/giai-ngan-von-dau-tu-cong-6-thang-dau-nam-da-co-su-but-pha-131275.html>, 04.07.2023)

Từ *bứt phá* mang nghĩa tăng tốc đột ngột để vượt lên thứ hạng cao hơn trong một cuộc đua như điền kinh đua hay đua xe. Việc sử dụng biểu thức ẩn dụ này kích hoạt cơ chế tri nhận hoạt động giải ngân như một vận động viên chạy/ đua xe đã đạt được thành tích rõ rệt sau khi thực hiện một quá trình vận động nỗ lực và bền bỉ trên đường đua. Và một điểm dễ nhận thấy nữa từ bảng 3 ở trên là thị trường tài chính được ý niệm hóa như một đường đua, một *sân chơi* chung, và chủ thể tài chính không được cá nhân hóa mà thường xuất hiện như những người cùng tham gia cuộc đua (*nhập cuộc, vào cuộc*). Nhận định này được thể hiện trong trường hợp dưới đây:

VD8: *NHNN cũng không giấu mục đích tạo ra **sân chơi** có tính **cạnh tranh** hơn.*

(<https://thoibaotaichinhvietnam.vn/vay-de-tra-no-cu-tao-can-hanh-tranh-nhung-khong-de-dao-no-o-at-135954.html>, 18.09.2023)

Bằng việc sử dụng biểu thức *sân chơi*, Ngân hàng nhà nước được ý niệm hóa như một nhà tổ chức giải đấu thể thao để các ngân hàng, tổ chức tài chính tham gia tranh tài như những vận động viên tham gia giải đấu đó. Thêm vào đó, biểu thức *cạnh tranh* giúp người đọc hình dung tín chất ganh đua một cách công bằng, thậm chí là tín hiệu tích cực của sân chơi (ngầm hiểu là thị trường tài chính tiền tệ) vì có sự quản lý, điều tiết của nhà nước. Có thể nhận thấy, trong cuộc đua này, thành công về tài chính gắn với vị trí tương đối (*dẫn đầu, lên ngôi, đột phá*) và thất bại được biểu hiện như *bỏ cuộc, yếu thế*.

VD9: *Thêm vào đó, xét về số lượng dự án mới, công nghiệp chế biến chế tạo cũng là ngành **dẫn đầu** về số dự án mới (chiếm 32,8%) và điều chỉnh vốn (chiếm 54,4%).*

(<https://thoibaotaichinhvietnam.vn/suc-hut-viet-nam-qua-nhung-con-so-dau-tu-biet-noi-139073.html>, 08.11.2023)

Thông qua biểu thức *dẫn đầu*, ngành công nghiệp chế biến chế tạo được ý niệm hóa thành vận động viên đang chiếm vị trí đầu trong cuộc thi đua xe/ đua ngựa nhờ vào thành tích hoặc điểm số được cấu trúc hóa thành số lượng các dự án và điều chỉnh vốn. Một điểm đáng chú ý nữa là các biểu thức *dốc sức, chặng nước rút, nỗ lực, cán đích, vượt đích* cho thấy diễn ngôn tài chính tiếng Việt kiến tạo thành công không phải là kết quả tức thời mà là thành quả của một quá trình nỗ lực liên tục và bền bỉ tích lũy dần dần.

Như vậy, ẩn dụ THỂ THAO trong tiếng Việt kích hoạt mô hình tri nhận đề cao sự bền bỉ hơn là *bứt phá* cá nhân ngắn hạn, nhấn mạnh tiến trình hơn là kết quả đo lường chính xác, và coi thành công là đích đến an toàn chứ không nhất thiết là chiến thắng áp đảo. Điều này phản ánh một tư duy tài chính thiên về ổn định và từng bước, phù hợp với bối cảnh kinh tế đang phát triển và tâm lý tránh rủi ro mạo hiểm.

Ở một khía cạnh khác, mặc dù các biểu thức *cạnh tranh, vượt*, vẫn xuất hiện nhiều, song hệ thống biểu thức tiếng Việt cho thấy mức độ đối kháng trực diện thấp hơn so với tiếng Anh. Thay vì nhấn mạnh thắng - thua tuyệt đối, tiếng Việt có xu hướng sử dụng các biểu thức trung tính hoặc mang sắc thái động viên như *kỉ lục, sức bật, đột phá*. Đáng chú ý, các biểu thức *tiếp sức, dẫn dắt* gợi lên mô hình trong đó thành công tài chính gắn với sự phối hợp, hỗ trợ và vai trò lãnh đạo mang tính định hướng, thị trường tài chính được nhìn nhận như một không gian cộng hưởng, không hoàn toàn là nơi triệt tiêu đối thủ thông qua đối kháng gay gắt. Đây là điểm khác biệt quan trọng so với mô hình phương Tây, vốn đề cao cạnh tranh cá nhân hóa.

Tóm lại, từ những kết quả và thảo luận trên, có thể tổng hợp cấu trúc ánh xạ ẩn dụ TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO như sau:

Bảng 4. Cấu trúc ánh xạ ẩn dụ TÀI CHÍNH LÀ THỂ THAO

Miền nguồn: THỂ THAO	Miền đích: TÀI CHÍNH
Sân chơi/ giải đấu	Thị trường tài chính
Các môn thể thao/ trận đấu	Hoạt động tài chính
Đơn vị tổ chức, giám sát giải đấu	Cơ quan quản lý tài chính
Người chơi/ đội chơi	Chủ thể tài chính
Phong độ thi đấu thể thao	Hiệu quả tài chính
Vị trí/ thứ hạng trong giải đấu	Vị thế tài chính
Thắng trận/ ghi điểm	Lợi nhuận
Thua trận/ mất điểm	Thua lỗ

4.3. Nhận xét: những tương đồng và khác biệt

Từ những phân tích và thảo luận ở trên, có thể thấy cả Anh ngữ và Việt ngữ đều tương đồng trong việc sử dụng các biểu thức ngôn ngữ để ý niệm hóa TÀI CHÍNH theo miền nguồn THỂ THAO. Sự tương đồng này thể hiện ở số lượng biểu thức ẩn dụ ở hai khối ngữ liệu. Điều này thể hiện mức độ phổ quát xuyên ngôn ngữ của ADYN. Tuy vậy, giữa hai ngôn ngữ có sự khác nhau về tần suất xuất hiện, cách triển khai và lựa chọn một số biểu thức ẩn dụ đặc trưng trong phạm vi ngữ liệu khảo cứu cũng như hàm ý tri nhận thông qua các biểu thức ẩn dụ đó.

Về lựa chọn biểu thức ẩn dụ, tiếng Anh sử dụng đa dạng các biểu thức ẩn dụ về nhiều môn thể thao khác nhau (*lead, lag - trong diễn kinh, đua xe, đua ngựa, lap - trong đua xe, backstop - trong môn bóng chày, toehold - trong môn leo núi*). Điều này có thể dễ nhận thấy thông qua sự phổ biến của các hoạt động thể thao đã được hình thành và phát triển hàng trăm năm, gắn với đời sống văn hóa phương Tây. Ngược lại, các biểu thức trong tiếng Việt phản ánh các trò chơi đồng diễn mang tính phong trào và gắn kết tập thể, đặc trưng cho văn hóa của cộng đồng Việt, nơi mà thể thao chuyên nghiệp mới phát triển và ít được quan tâm.

Về mô hình tri nhận, ẩn dụ TÀI CHÍNH trong tiếng Anh được nhìn nhận là một cuộc chơi cạnh tranh mang đậm tính cá nhân (*champion - nhà vô địch, player - người chơi, winner - người chiến thắng, rival - đối thủ*) với hiệu suất, điểm số (*goal - bàn thắng, score - ghi điểm, ghi bàn*), thắng - thua rõ ràng (*win - chiến thắng, fail - thất bại*). Ngược lại, tiếng Việt ý niệm hóa TÀI CHÍNH như cuộc đua tập thể (*nhập cuộc, vào cuộc, tiếp sức*), nhấn mạnh quá trình (*nỗ lực, tăng tốc, bứt phá*), vị thế tương đối chứ không nhấn mạnh ưu thế cá nhân tuyệt đối (*vượt, cán đích, bỏ xa*), ổn định và bền bỉ. Sự khác biệt này cho thấy cùng một miền nguồn THỂ THAO nhưng lại kích hoạt hai mô hình tri nhận khác nhau, phản ánh những nền tảng văn hóa - tư duy khác biệt trong cách tri nhận về tài chính. Cụ thể, ẩn dụ THỂ THAO trong diễn ngôn tài chính tiếng Anh phản ánh một mô hình tư duy phương Tây đặc trưng, đó là nhấn mạnh tài chính là một cuộc chơi đối kháng mang tính luật chơi, nơi cá nhân được trao quyền hành động, chấp nhận rủi ro và theo đuổi chiến thắng, ngụ ý các chủ thể tài chính liên tục “chạy đua” để giành lợi thế. Cách khung hóa này làm nổi bật hiệu suất và hợp thức hóa sự đào thải, tương đồng với phân tích của Chung (2008) về chức năng bình thường hóa cạnh tranh của ẩn dụ THỂ THAO. Mô hình này giúp đơn giản hóa nhận thức, hợp thức hóa các giá trị cốt lõi của văn

hóa kinh tế phương Tây trong diễn ngôn tài chính đương đại (Lakoff và Johnson, 1980; Chateris-Black, 2004). Ngược lại, thức ẩn dụ THỂ THAO trong tiếng Việt phản ánh rõ tư duy tập thể và định hướng ổn định, thị trường tài chính được ý niệm hóa như một không gian chung, nơi các chủ thể tài chính cùng tồn tại và vận động, và thành công không chỉ là chiến thắng đối thủ, mà là đạt mục tiêu hay vượt qua thử thách. Ẩn dụ THỂ THAO trong tiếng Việt, vì vậy, không chỉ đơn thuần mô tả cạnh tranh kinh tế, mà còn thực hiện chức năng trấn an, huy động niềm tin từ công chúng.

Mô hình tri nhận này phản ánh đặc trưng văn hóa của mỗi cộng đồng ngôn ngữ: cộng đồng ngôn ngữ Anh đặc trưng bởi văn hóa đề cao cá nhân, nhấn mạnh thiết chế, luật lệ rõ ràng còn cộng đồng Việt mang nặng văn hóa tập thể, nơi mọi cá nhân gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau vì mục đích, thắng lợi chung. Chính những đặc trưng này giúp cho diễn ngôn tài chính lựa chọn sử dụng các biểu thức ẩn dụ phù hợp, dễ tiếp cận với tâm lý công chúng trong từng bối cảnh văn hóa - kinh tế - xã hội cụ thể. Kết quả này phù hợp tương đồng với nhận định của Kövecses (2010) về vai trò của bối cảnh văn hóa trong việc lựa chọn miền nguồn ẩn dụ.

5. Kết luận

Dựa trên khuôn khổ Ngôn ngữ học tri nhận và khung Lí thuyết ADYN, bài viết đã phân tích một cách hệ thống các ẩn dụ cấu trúc trong diễn ngôn tài chính tiếng Anh và tiếng Việt tập trung vào miền nguồn THỂ THAO. Nghiên cứu làm rõ cách các miền nguồn này được sử dụng để cấu trúc hóa nhận thức về các vấn đề tài chính trong hai ngôn ngữ Anh và Việt. Trong cả hai ngôn ngữ, miền nguồn THỂ THAO đều được khai thác mạnh mẽ, phản ánh tính phổ quát của việc ý niệm hóa tài chính thông qua cạnh tranh và đối đầu. Tuy nhiên, sự khác biệt đáng kể nằm ở mức độ ưu tiên và sắc thái đánh giá. Cùng một miền nguồn THỂ THAO nhưng diễn ngôn tài chính tiếng Anh có xu hướng ưu tiên khung hóa thị trường như một cuộc thi tốc độ cao, một không gian cạnh tranh khốc liệt với diễn biến mạnh, nơi rủi ro được chấp nhận như điều tất yếu và thắng - thua và hiệu suất được xem là kết quả tự nhiên. Trong khi đó, diễn ngôn tài chính tiếng Việt sử dụng miền nguồn này chủ yếu theo hướng hoạt động tập thể phối hợp nhịp nhàng, nhấn mạnh sự ổn định và giảm thiểu rủi ro. Sự khác biệt này củng cố quan điểm của Kövecses (2010) rằng ẩn dụ vừa mang tính phổ quát vừa mang tính biến thiên theo đặc thù văn hóa, góp phần lí giải vì sao cùng một hiện tượng tài chính có thể được diễn giải rất khác nhau với các biểu thức ẩn dụ khác nhau trong các bối cảnh ngôn ngữ khác nhau (Lakoff và Johnson, 1980; Chateris-Black, 2004; Chung, 2008). Ngoài ra, nghiên cứu cũng chứng minh các ẩn dụ cấu trúc không tồn tại độc lập mà được mở rộng và gia cố thông qua hệ thống biểu thức ngôn ngữ gồm động từ, tính từ, danh từ và các biểu thức cảm xúc. Sự kết hợp này góp phần định hướng cảm xúc người đọc, từ việc kích hoạt cảm giác khẩn cấp đến việc trấn an và điều tiết tâm lý thị trường. Qua đó, bài viết khẳng định vai trò của ẩn dụ như công cụ tri nhận và diễn ngôn, vừa phản ánh vừa kiến tạo thực tại tài chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2019), *Ẩn dụ ý niệm về thị trường chứng khoán trong tiếng Anh và tiếng Việt* [Luận án tiến sĩ]. Học viện Khoa học Xã hội.
2. Nguyễn Thùy Ngân. (2012), “Ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn kinh tế - thị trường tiếng Việt”. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 18(210), 45-56.
3. Nguyễn Văn Hiệp (2024), “Nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm ở Việt Nam: Những khoảng trống chưa được nghiên cứu”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 60(10), 1-15. <https://doi.org/10.57001/huieh5804.2024.319>.
4. Phạm Thị Thanh Thùy (2017), “Ánh xạ ẩn dụ ý niệm trong các bài báo tiếng Việt chuyên ngành kinh tế”. *Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội*, 7(338), 17-26.

Tiếng Anh

5. Cardini, F. (2014), Analysing English metaphors of the economic crisis. *Lingue e Linguaggi*, 11, 9-24. <https://doi.org/10.1285/i22390359v11p9>.

6. Charteris-Black, J. (2004), *Corpus approaches to critical metaphor analysis*. Palgrave Macmillan. <https://doi.org/10.1057/9780230002419>.
7. Chung, S. F. (2003), Multi-dimensional metaphor mapping in economics. *Discourse & Society*, 14(4), 433-459. <https://doi.org/10.1177/0957926503014004003>.
8. Chung, S. F. (2008), A corpus-based study of metaphor in financial news. *Journal of Pragmatics*, 40(5), 797-817. <https://doi.org/10.1016/j.pragma.2007.12.001>.
9. Cudd, A. E. (2014), Sporting Metaphors: Competition and the Ethos of Capitalism. *Journal of the Philosophy of Sport*, 2007, 34, 52-67.
10. Dương Thị Quỳnh Oanh (2022), *Conceptual metaphor of economic development in The Financial Times* [Luận văn thạc sĩ]. Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Koller, V. (2004), *Metaphor and gender in business media discourse: A critical cognitive study*. Palgrave Macmillan. <https://doi.org/10.1057/9780230500796>
12. Kövecses, Z. (2010), Metaphor and culture. *Acta Universitatis Sapientiae, Philologica*, 2(2), 197-220. <https://doi.org/10.1556/PhilLing.2.2010.2.1>
13. Lakoff, G., & Johnson, M. (1980), *Metaphors we live by*. University of Chicago Press.
14. Phạm Thúy Giang (2025), “Conceptual metaphor “COMMERCE IS SPORT” in Vietnamese and English commercial news discourse”. *VNU Journal of Foreign Studies*, 41(2), 42-47.
15. Praggeljaz Group (2007), MIP: A method for identifying metaphorically used words in discourse. *Metaphor and Symbol*, 22(1), 1-39. <https://doi.org/10.1080/10926400709336752>
16. Vargas-Sierra, J. C., & Moreno-Sandoval, L. (2021), Metaphors in corporate financial reports: Persuasion and emotion regulation. *Discourse & Communication*, 15(3), 312-334. <https://doi.org/10.1177/17504813211003245>.

Structural metaphor “FINANCE IS SPORTS” in English financial discourse: a contrastive analysis with Vietnamese

Abstract: This study investigates structural metaphors with the SPORTS source domain in financial discourse through a comparative analysis of English and Vietnamese. The research is grounded in the framework of Conceptual Metaphor Theory proposed by Lakoff and Johnson (1980), and is based on a corpus of financial news articles published in 2023, including 120 English articles from The Financial Times and 120 Vietnamese articles from Thời báo Tài chính Việt Nam. The findings reveal that both languages make extensive use of structural metaphors derived from the SPORTS domain to conceptualize and interpret abstract and complex financial phenomena. However, notable differences are observed in terms of frequency, patterns of deployment, and underlying cognitive implications. Specifically, English tends to employ the metaphor FINANCE IS SPORTS more frequently, emphasizing competition, performance, and individual strategy. In contrast, Vietnamese discourse reflects a preference for defensive thinking, collectivism, and system stability. These findings not only highlight the central role of metaphor as a cognitive and discursive tool in financial communication but also underscore the close relationship between language, culture, and thought in shaping economic cognition across linguistic communities.

Key words: Conceptual metaphor; structural metaphor; financial discourse; sports source domain; English - Vietnamese metaphor comparison.